

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 39

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Vũ Thành.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.


Đặng Vũ Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61113814/22633968

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		106.311.371.445	86.728.011.693
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.153.062.912	10.608.350.723
111	1. Tiền		11.153.062.912	10.608.350.723
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	611.115.700	562.275.651
121	1. Chứng khoán kinh doanh		683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(72.756.858)	(121.596.907)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	75.769.521.946	67.337.304.872
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		40.971.378.321	43.789.225.183
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.945.129.820	9.265.521.540
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		33.466.047.101	9.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		2.179.790.858	15.413.238.920
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.792.824.154)	(10.130.680.771)
140	IV. Hàng tồn kho	7	2.777.953.717	1.937.122.729
141	1. Hàng tồn kho		2.777.953.717	1.937.122.729
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.999.717.170	6.282.957.718
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	147.836.258	61.687.980
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	-	2.482.637.728
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.851.880.912	3.738.632.010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.617.936.664.671	1.627.858.493.581
220	I. Tài sản cố định		121.290.842.181	133.268.724.289
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	110.357.094.368	122.222.366.476
222	Nguyên giá		237.871.248.131	237.871.248.131
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(127.514.153.763)	(115.648.881.655)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	10.933.747.813	11.046.357.813
228	Nguyên giá		12.594.032.813	12.594.032.813
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.660.285.000)	(1.547.675.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	10	797.851.000	19.682.588.364
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		797.851.000	19.682.588.364
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	1.463.148.059.867	1.463.151.472.390
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.443.255.833.863	1.443.255.833.863
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.000.000.000	20.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(107.773.996)	(104.361.473)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		32.699.911.623	11.755.708.538
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	32.632.106.807	7.101.088.059
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.3	67.804.816	4.654.620.479
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.724.248.036.116	1.714.586.505.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		148.746.885.163	158.645.512.324
310	I. Nợ ngắn hạn		121.488.955.083	131.404.500.844
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.409.038.400	18.067.320.277
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	757.640.238	23.283.977.619
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	896.000.380	353.429.948
314	4. Phải trả người lao động		2.626.528.483	1.022.492
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.168.106.971	43.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	89.488.629
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18.1	90.160.868.524	84.254.308.046
320	8. Vay ngắn hạn	17	17.000.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	4.470.772.087	5.311.953.833
330	II. Nợ dài hạn		27.257.930.080	27.241.011.480
337	1. Phải trả dài hạn khác	18.2	27.000.000.000	27.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	257.930.080	241.011.480
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.575.501.150.953	1.555.940.992.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	1.575.501.150.953	1.555.940.992.950
411	1. Vốn cổ phần		982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		595.000.615.853	575.440.457.850
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		575.440.457.850	586.294.913.389
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) năm nay		19.560.158.003	(10.854.455.539)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.724.248.036.116	1.714.586.505.274


Hoàng Thị Anh Thư
Người lập


Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	230.029.945.401	233.188.673.531
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 26	(178.010.330.145)	(184.143.917.276)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.019.615.256	49.044.756.255
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	2.415.778.735	15.831.021.405
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(3.689.376.493) (3.729.684.246)	(57.457.585.606) (940.602.774)
25	6. Chi phí bán hàng	25, 26	(2.104.200.975)	(2.674.057.799)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 26	(20.990.432.114)	(14.890.562.475)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		27.651.384.409	(10.146.428.220)
31	9. Thu nhập khác		182.101.835	414
32	10. Chi phí khác		(1.239.365.847)	(2.040.857.301)
40	11. Lỗ khác		(1.057.264.012)	(2.040.856.887)
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		26.594.120.397	(12.187.285.107)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.447.146.731)	(3.067.564.960)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(4.586.815.663)	4.400.394.528
60	15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		19.560.158.003	(10.854.455.539)


Hoàng Thị Anh Thư
Người lập


Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		26.594.120.397	(12.187.285.107)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	11.977.882.108	12.470.640.185
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(366.365.543)	(884.211.989)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	5.689.964
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.415.778.735)	40.553.271.723
06	Chi phí lãi vay	24	3.729.684.246	940.602.774
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.519.542.473	40.898.707.550
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(22.729.545.247)	(7.952.647.654)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(840.830.988)	533.949.182
11	Tăng các khoản phải trả		(21.069.725.490)	28.213.564.853
12	Tăng chi phí trả trước		(6.732.429.662)	(3.914.360.982)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(69.369.863)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.000.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(841.181.746)	(4.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.694.170.660)	54.705.343.086
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.811.469.502)	(29.585.123.364)
23	Tiền chi cho công ty con vay		(59.500.000.000)	(73.400.000.000)
24	Tiền thu từ cho vay		68.500.000.000	69.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty khác		(6.370.000.000)	(151.142.541.562)
26	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các công ty khác		-	88.705.823.480
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		12.420.352.351	15.134.604.875
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		10.238.882.849	(80.887.236.571)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	17.000.000.000	12.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(12.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		17.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		14.544.712.189	(26.181.893.485)
60	Tiền đầu năm		10.608.350.723	36.796.004.199
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(5.759.991)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	25.153.062.912	10.608.350.723



Hoàng Thị Anh Thư
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Hành
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 44 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	54.368.500	405.072.133
Tiền gửi ngân hàng	11.098.694.412	10.203.278.590
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>25.153.062.912</u>	<u>10.608.350.723</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,9% đến 3,3%/một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	55.115.700	(72.756.858)	127.872.558	6.275.651	(121.596.907)
Trong đó:						
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>	126.752.447	54.152.000	(72.600.447)	126.752.447	5.802.600	(120.949.847)
<i>Chứng khoán khác</i>	1.120.111	963.700	(156.411)	1.120.111	473.051	(647.060)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	1.320.000.000	-	556.000.000	688.521.739	-
Trong đó:						
<i>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</i>	556.000.000	1.320.000.000	-	556.000.000	688.521.739	-
TỔNG CỘNG	683.872.558	1.375.115.700	(72.756.858)	683.872.558	694.797.390	(121.596.907)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	40.971.378.321	43.789.225.183
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Hạnh</i>	30.177.099.096	25.683.542.665
<i>Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Việt Quốc Tế</i>	1.351.843.590	323.156.060
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải</i>	879.806.500	206.042.000
<i>Long Thành Phát</i>	752.081.720	7.462.933.200
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	7.810.547.415	10.113.551.258
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.945.129.820	9.265.521.540
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên</i>		
<i>Thương mại Xây dựng Cẩm Anh</i>	8.773.817.614	8.773.817.614
<i>Các khoản trả trước khác</i>	171.312.206	491.703.926
Phải thu về cho vay ngắn hạn	33.466.047.101	9.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Sotrans</i>		
<i>Logistic (Thuyết minh số 28) (*)</i>	33.466.047.101	5.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức</i>		
<i>Vietranstimex (Thuyết minh số 28)</i>	-	4.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.179.790.858	15.413.238.920
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	1.392.880.602	4.091.341.918
<i>Ký quỹ</i>	10.000.000	10.000.000
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	686.910.256	10.804.117.945
<i>Phải thu khác</i>	90.000.000	507.779.057
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.792.824.154)	(10.130.680.771)
GIÁ TRỊ THUẦN	75.769.521.946	67.337.304.872

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất 6%/năm và kỳ hạn trả đến ngày 11 tháng 9 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(10.130.680.771)	(10.190.890.167)
Dự phòng trích lập trong năm	(22.889.500)	(222.798.604)
Hoàn nhập dự phòng	<u>360.746.117</u>	<u>283.008.000</u>
Số cuối năm	<u>(9.792.824.154)</u>	<u>(10.130.680.771)</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng đang đi trên đường	1.862.163.637	1.194.909.090
Hàng hóa	<u>915.790.080</u>	<u>742.213.639</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.777.953.717</u>	<u>1.937.122.729</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm và số cuối năm	187.698.035.733	5.022.432.200	43.715.384.194	1.435.396.004	237.871.248.131
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	21.896.088.278	5.022.432.200	32.950.560.523	444.248.350	60.313.329.351
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(69.932.114.107)	(5.022.432.200)	(39.768.282.061)	(926.053.287)	(115.648.881.655)
Khấu hao trong năm	(10.620.156.234)	-	(1.076.482.363)	(168.633.511)	(11.865.272.108)
Số cuối năm	(80.552.270.341)	(5.022.432.200)	(40.844.764.424)	(1.094.686.798)	(127.514.153.763)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	117.765.921.626	-	3.947.102.133	509.342.717	122.222.366.476
Số cuối năm	107.145.765.392	-	2.870.619.770	340.709.206	110.357.094.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	10.827.965.313	1.766.067.500	12.594.032.813
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.249.505.000	1.249.505.000
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	(1.547.675.000)	(1.547.675.000)
Khấu hao trong năm	-	(112.610.000)	(112.610.000)
Số cuối năm	-	(1.660.285.000)	(1.660.285.000)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.827.965.313	218.392.500	11.046.357.813
Số cuối năm	10.827.965.313	105.782.500	10.933.747.813

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cải tạo văn phòng, nhà kho	-	19.386.656.364
Phát triển phần mềm	797.851.000	295.932.000
TỔNG CỘNG	797.851.000	19.682.588.364

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 11.1</i>)	1.443.255.833.863	-	1.443.255.833.863	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (<i>Thuyết minh số 11.2</i>)	20.000.000.000	(107.773.996)	20.000.000.000	(104.361.473)
TỔNG CỘNG	1.463.255.833.863	(107.773.996)	1.463.255.833.863	(104.361.473)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Vận tải	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietransstimex	Vận tải	319.816.771.989	-	319.816.771.989	93,17	319.816.771.989	-	319.816.771.989	93,17
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (*)	Vận tải	108.162.000.000	-	108.162.000.000	8,94	108.162.000.000	-	108.162.000.000	8,94
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vận tải	91.337.061.874	-	91.337.061.874	100,00	91.337.061.874	-	91.337.061.874	100,00
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Dịch vụ cảng	22.940.000.000	-	22.940.000.000	100,00	22.940.000.000	-	22.940.000.000	100,00
TỔNG CỘNG		1.443.255.833.863	-	1.443.255.833.863		1.443.255.833.863	-	1.443.255.833.863	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans, công ty con của Công ty. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là 93,34% (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 93,34%).

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
TỔNG CỘNG				<u>20.000.000.000</u>		<u>20.000.000.000</u>

- (i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.
- (ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí phần mềm	15.765.555	-
Phí bảo hiểm	54.988.203	-
Khác	77.082.500	61.687.980
TỔNG CỘNG	147.836.258	61.687.980
Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà kho	28.827.069.343	1.898.290.182
Chi phí thuê kho	3.631.716.000	4.952.340.000
Công cụ dụng cụ	120.335.998	158.569.242
Khác	52.985.466	91.888.635
TỔNG CỘNG	32.632.106.807	7.101.088.059

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)		
Công ty TNHH Tài nguyên Tri thức Việt Năng	734.271.000	10.012.867.890
Công ty TNHH MTV Vận tải Gia Minh	797.851.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Gia Minh	135.564.000	-
Phải trả người bán khác	741.352.400	8.054.452.387
TỔNG CỘNG	2.409.038.400	18.067.320.277

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 28</i>)		
Người mua trả tiền trước khác	-	23.210.650.000
	757.640.238	73.327.619
TỔNG CỘNG	757.640.238	23.283.977.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	199.733.847	22.960.508.278	(22.498.864.814)	661.377.311
Thuế thu nhập cá nhân	153.696.101	964.258.766	(883.331.798)	234.623.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.447.146.731	(2.447.146.731)	-
TỔNG CỘNG	353.429.948	26.371.913.775	(25.829.343.343)	896.000.380
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.554.082.900	-	(2.447.146.731)	106.936.169
Thuế giá trị gia tăng	2.482.637.728	15.497.650.122	(17.980.287.850)	-
Thuế nhà đất	1.184.549.110	28.596.750.452	(28.596.750.424)	1.184.549.138
Thuế khác	-	564.395.605	(4.000.000)	560.395.605
TỔNG CỘNG	6.221.269.738	44.658.796.179	(49.028.185.005)	1.851.880.912

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí lãi vay	3.000.000.000	-	
Chi phí khác	168.106.971	43.000.000	
TỔNG CỘNG	3.168.106.971	43.000.000	

17. VAY NGẮN HẠN

				VND
	Số đầu năm	Nhận vay trong năm	Hoàn trả trong năm	Số cuối năm
Vay bên liên quan (Thuyết minh 28)	-	17.000.000.000	-	17.000.000.000
Công ty	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức
	VND		(%/năm)	đảm bảo
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	17.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5,275%	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận ký quỹ	7.851.225.100	886.675.100
Chi phí lãi vay	729.684.246	-
Chi hộ	-	2.630.747.926
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.639.959.178	796.885.020
TỔNG CỘNG	<u>90.160.868.524</u>	<u>84.254.308.046</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	47.729.684.246	42.630.747.926
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	39.940.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	2.491.184.278	1.683.560.120

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Công ty đang nắm giữ.

18.2 Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.000.000.000	7.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>27.000.000.000</u>	<u>27.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam để cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.311.953.833	5.316.453.833
Sử dụng quỹ	<u>(841.181.746)</u>	<u>(4.500.000)</u>
Số cuối năm	<u>4.470.772.087</u>	<u>5.311.953.833</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Năm trước				
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	586.294.913.389	1.566.795.448.489
Lỗ thuần trong năm	-	-	(10.854.455.539)	(10.854.455.539)
Số cuối năm	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>575.440.457.850</u>	<u>1.555.940.992.950</u>
Năm nay				
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	575.440.457.850	1.555.940.992.950
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	19.560.158.003	19.560.158.003
Số cuối năm	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>595.000.615.853</u>	<u>1.575.501.150.953</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng hóa	146.023.781.612	133.071.478.242
Doanh thu dịch vụ	84.006.163.789	100.117.195.289
TỔNG CỘNG	<u>230.029.945.401</u>	<u>233.188.673.531</u>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	2.343.791.335	2.296.606.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	71.987.400	12.837.998.400
Lợi nhuận từ thanh lý đầu tư	-	658.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	38.416.530
TỔNG CỘNG	<u>2.415.778.735</u>	<u>15.831.021.405</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.490.407.014	119.230.993.556
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.519.923.131	64.912.923.720
TỔNG CỘNG	<u>178.010.330.145</u>	<u>184.143.917.276</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.729.684.246	940.602.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.119.773	6.813.379
(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	(45.427.526)	106.711.120
Lỗ thanh lý đầu tư	-	56.345.876.598
Khác	-	57.581.735
TỔNG CỘNG	<u>3.689.376.493</u>	<u>57.457.585.606</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.104.200.975	2.674.057.799
Chi phí nhân viên	1.865.961.845	1.730.503.849
Khấu hao tài sản cố định	108.870.663	132.971.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.920.224	560.338.418
Chi phí bán hàng khác	93.448.243	250.244.316
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.990.432.114	14.890.562.475
Chi phí nhân viên	11.615.200.503	6.564.765.804
Thuế, phí và lệ phí	2.761.214.578	3.792.466.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.343.708.666	2.551.025.771
Khấu hao tài sản cố định	77.222.040	145.366.500
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(337.856.617)	(60.209.396)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.530.942.944	1.897.147.519
TỔNG CỘNG	<u>23.094.633.089</u>	<u>17.564.620.274</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	132.490.407.014	119.230.993.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.497.944.588	55.831.985.440
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	11.977.882.108	12.470.640.185
Chi phí nhân viên	13.481.162.348	8.295.269.653
Chi phí khác	5.657.567.176	5.879.648.716
TỔNG CỘNG	<u>201.104.963.234</u>	<u>201.708.537.550</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN năm nay	1.718.240.720	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>728.906.011</u>	<u>3.067.564.960</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.447.146.731	3.067.564.960
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>4.586.815.663</u>	<u>(4.400.394.528)</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.033.962.394</u>	<u>(1.332.829.568)</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập (lỗ) tính thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	<u>26.594.120.397</u>	<u>(12.187.285.107)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.318.824.079	(2.437.457.021)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(14.397.480)	(2.567.599.680)
Chi phí không được trừ	<u>1.000.629.784</u>	<u>604.662.173</u>
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN sau điều chỉnh	6.305.056.383	(4.400.394.528)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	<u>728.906.011</u>	<u>3.067.564.960</u>
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	<u>7.033.962.394</u>	<u>(1.332.829.568)</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	51.586.016	48.202.296	3.383.720	(185.831.655)
Chi phí phải trả	16.218.800	16.218.800	-	(3.973.200)
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	4.590.199.383	(4.590.199.383)	4.590.199.383
TỔNG CỘNG	67.804.816	4.654.620.479	(4.586.815.663)	4.400.394.528

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Thuê cảng	53.272.343.820	23.000.000.000
		Bán hàng	23.389.876.499	22.446.054.644
		Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	95.788.656	89.488.656
		Doanh thu tài chính	-	666.260.274
		Chi phí tài chính	-	69.369.863
		Cho vay	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đi vay	17.000.000.000	-
		Lãi vay	729.684.246	-
		Cho thuê cảng	-	55.065.951.181
		Cổ tức được chia	-	12.750.000.000
		Bán hàng	-	1.543.144.191
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Doanh thu cho thuê kho	27.232.474.177	22.892.304.438
		Mua dịch vụ	1.070.719.795	17.346.019.633
		Bán hàng	11.343.283.699	7.924.409.810
		Cho vay	43.466.047.101	6.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay vay	15.000.000.000	-
		Doanh thu tài chính	857.687.368	89.313.699
Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng	13.127.436.361	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	49.500.000.000	7.400.000.000
		Cho thuê	1.036.217.892	286.000.000
		Doanh thu tài chính	1.474.283.014	79.226.164
		Bán hàng	1.827.527	3.329.454
		Mua tài sản cố định	-	15.119.967.000
Công ty Cổ phần Xây lắp công trình	Công ty con gián tiếp	Sử dụng dịch vụ Bán hàng hóa	14.823.361.900 181.818.182	13.910.280.909 -

Trong năm, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay và thuê tài chính với bên liên quan với hạn mức bảo lãnh như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Thuê tài chính	56.000.000.000	-
		Vay ngân hàng		
		thương mại	27.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	21.317.540.788	23.773.620.455
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	5.145.009.998	1.463.560.000
Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	3.460.920.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Bán hàng hóa	253.628.310	300.300.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	-	146.062.210
			<u>30.177.099.096</u>	<u>25.683.542.665</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	686.910.256	511.891.781	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Phải thu cổ tức	-	10.200.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	-	92.226.164	
			686.910.256	10.804.117.945	
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cho vay	33.466.047.101	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	-	4.000.000.000	
			33.466.047.101	9.000.000.000	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Xây Lắp Công Trình	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	486.924.445	-	
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	247.346.555	5.091.367.890	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua tài sản	-	4.921.500.000	
			734.271.000	10.012.867.890	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>					
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Thuê cảng	-	23.000.000.000	
Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa	-	210.650.000	
			-	23.210.650.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	686.910.256	511.891.781	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Phải thu cổ tức	-	10.200.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	-	92.226.164	
			686.910.256	10.804.117.945	
Phải thu cho vay ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cho vay	33.466.047.101	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	-	4.000.000.000	
			33.466.047.101	9.000.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Xây Lắp Công Trình	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	486.924.445	-	
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	247.346.555	5.091.367.890	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua tài sản	-	4.921.500.000	
			734.271.000	10.012.867.890	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Thuê cảng	-	23.000.000.000	
Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa	-	210.650.000	
			-	23.210.650.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đi vay	17.000.000.000	-	
Phải trả ngắn hạn khác					
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	-	
		Chi phí lãi vay	729.684.246	-	
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Trả hộ	-	2.630.747.926	
			47.729.684.246	42.630.747.926	
Phải trả dài hạn khác					
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	-	7.000.000.000	
			7.000.000.000	7.000.000.000	

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau:

			VND	
	Năm nay	Năm trước		
Ông Đặng Vũ Thành	1.324.800.800	832.276.093		
Ông Đỗ Lê Hùng	479.000.000	587.400.000		
Ông Trần Tuấn Anh	155.000.000	774.616.200		
Ông Đặng Doãn Kiên	105.000.000	112.200.000		
Bà Đỗ Thị Phương Lan	-	66.000.000		
Ông Trần Quang Tiến	-	60.500.000		
Ông Nguyễn Quốc Thúc	105.000.000	46.200.000		
TỔNG CỘNG	2.168.800.800	2.479.192.293		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động – đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	31.679.516.305	31.679.516.305
Từ 1 đến 5 năm	16.744.306.360	16.744.306.360
Trên 5 năm	51.699.304.085	55.048.165.357
TỔNG CỘNG	<u>100.123.126.750</u>	<u>103.471.988.022</u>

Cam kết thuê hoạt động – cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê kho, đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	<u>84.268.715.677</u>	<u>81.652.946.739</u>

Kiện tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ liên quan cho việc tranh tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

30. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Hoàng Thị Anh Thư
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Ngày 21 tháng 3 năm 2022

